

Phạm vi công việc: Mua sắm vật tư dự phòng, thay thế cho các thiết bị cơ nhiệt phục vụ BDSC thường xuyên và BDSC định kỳ năm 2026 - Nhà máy Nhiệt điện

Thái Bình 2

(Đính kèm công văn số ..556../NMDTB2-TM ngày ...03./4/2026)

STT	Mã chuẩn hóa vật tư	Tên hàng hóa/ dịch vụ	Thông số kỹ thuật/ Yêu cầu kỹ thuật	Nhà sản xuất, xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Ghi chú
						Nhu cầu mua sắm	
1	20580005	Chốt xích truyền động lưới chắn rác kiểu quay	Vật liệu SUS 316L (1 trục, 1 bạc, 1 chốt chẻ) Bạc Ø 40xØ28x59mm, Trục Ø28x98mm Chốt chẻ : 85x14x8mm, TB2-BDSC-00100-M4-DRD-0002	Việt Nam	Cái	600	Báo giá
2	51353006	Quạt sục khí Filter Backwash Air Blowers	Quạt sục khí Filter Backwash Air Blowers (07GBC01AN001/002) - Hệ thống xử lý nước Model: ST150 CAPA: 18Nm ³ /min; 19,5l M3/Min; No. of STAGE: ONE STAGE DIF; PRESSURE: 3500 mmAq Mat'l: FC200/FC200/S45C/SCM415/FC200 Speed: 1230 r.p.m Drw: TB2-SDC.VP117-00GBK-M-M3-DAS-0019 Outline DWG: KFM-T150-4YJ-09	KOREA FLUID MACHINERY CO.,LTD	Bộ	1	Báo giá



3	24415037	Thép tấm hardox 500, 2000x6000, dày 12mm	Thép tấm hardox 500, 2000x6000, dày 12mm	China	Tấm	8	Báo giá
4	24435114	Tấm ốp chống mài mòn uốn cong 90 độ, ốp bụng tổng chiều dài L=1000mm, (Material: A167TP304H R30, dày 3mm, góc ôm 200 độ)	STEEL; STAINLESS SHEET TYPE: Stainless steel sheet (curved wear liner) SIZE: Radius R=30; Wrap angle 200°; Bend angle 90° THICKNESS: 3 mm WIDTH: As drawing; arc length ≈ 105 (for 200° at R30) mm LENGTH: 1000 mm MATERIAL: ASTM A167 TP304H	Việt Nam	Tấm	200	Báo giá
5	24435115	Tấm ốp loại chắn PL5x80x1604 Inox304 phần chắn chiều dài 1180 x chiều rộng 80 x chiều dày 5 (mm), vật liệu Inox 304	Tấm ốp loại chắn PL5x80x1604 Inox304 phần chắn chiều dài 1180 x chiều rộng 80 x chiều dày 5 (mm), vật liệu Inox 304 TB2-SDC.VP101-00100-M-M12-DSU-0221 Rev0	Guangdong Electric	Cái	351	Báo giá
8	25001024	Steel Wire Rope	Steel Wire Rope Ø 18mm (6x37), L=32 m DIN 3066 - TZN Chi tiết số 12, TB2-FLS-00EAC11-M-M2-DTE-1025, TB2-FLS-00EAC11-M-M2-DTE-1000_2, tham chiếu 2385100rev2_2_PL_	Nemag	Sợi	2	Báo giá
9	32050010	Kẹp ray trolley	GANTREX RAIL CLIP 22/130/BQ Chi tiết số 3; bản vẽ TB2-FLS-00EAA01-05-M-M2-DTE-148, tham chiếu 2440028rev0_PL	Demag	Cái	50	Báo giá



10	32050011	Rope castle with wedge	Rope castle with wedge DEMAG - Size 5 (Ø16/18) TZN Chi tiết số 13, TB2-FLS-00EAC11-M-M2-DTE-1025, TB2-FLS-00EAC11-M-M2-DTE-1000_2, tham chiếu 2385100rev2_2_PL_	Demag	Bộ	4	Báo giá
11	43500012	Bolt	M16x50, cấp bền 8.8	Việt Nam	Bộ	80	Báo giá
13	43712021	Thanh ren suốt M18 dài 1000mm	M18 dài 1000mm Cấp bền 8.8	Việt Nam	Con	23	Báo giá
14	43712033	Lead Screw (Metric)	Ty ren vít me (M 25x5x L= 475, Đường kính đầu to ø45mm , vật liệu thép C45) Drawing: Bộ vitme - đai ốc ty van nạp bi	Việt Nam	Con	3	Báo giá
17	43900098	Bolt M16	Bolt M16x50, vật liệu: Q235 A.F	China	Cái	100	Báo giá
18	43900099	Bolt M16	Bolt M16x40, vật liệu: Q235 A.F	China	Cái	100	Báo giá
19	43900101	Bolt M12	Bolt M12x35, vật liệu: Q235 A.F	China	Cái	100	Báo giá
20	43900102	Bu long M16X230	M16X230 Vật liệu 304	China	Bộ	100	Báo giá
22	43900141	Lead Screw Nut (Brass)	BOLTS, NUTS, SCREWS; STAINLESS STEEL TYPE: Lead screw nut SIZE: Ø80 × 70 mm MATERIAL CLASS: Brass (Cu-Zn)	Việt Nam	Con	19	Báo giá
23	43901025	Vít chìm lục giác, vật liệu Inox 304 M8x25	Vít chìm lục giác, vật liệu Inox 304 M8x25	Việt Nam	Cái	3.000	Báo giá
25	45500006	BULL DOG GRIP	BULL DOG GRIP 19 Chi tiết số 14, TB2-FLS-00EAC11-M-M2-DTE-1025, TB2-FLS-00EAC11-M-M2-DTE-1000_2 tham chiếu 22385100rev2_2_PL_	Nemag	Cái	8	Báo giá



26	45700005	tybe 3 of liner bolt M27x180	Chi tiết số 5, 6, 7, 8 bản vẽ TB2-SDC.VP101-01HFC-M-M1A-DID-0013 Rev_1	ShangHai Heavy Machinery plant Co.,ltd	Con	116	Báo giá
27	45700008	tybe 4 of liner bolt M27x125	Chi tiết số 5, 6, 7, 8 bản vẽ TB2-SDC.VP101-01HFC-M-M1A-DID-0013 Rev_1	ShangHai Heavy Machinery plant Co.,ltd	Con	276	Báo giá
31	48151215	Khớp nối mềm cao su	DN 5 in - 125mm kết nối mặt bích tiêu chuẩn Din Pn16, vật liệu inox TB2-SDC.VP114-00100-M-M5-DAS-0001 (Page6/12)	Atlas copco	Bộ	4	Báo giá
32	48228029	Male stub coupling	male stub coupling G1/2 P-GEV 16SR Chi tiết số 15, TB2-FLS-00EAA01-05-M-M2-DTE-468, tham chiếu 2440348rev0	FLSMIDTH	Cái	50	Báo giá
33	48228030	Male stub coupling	male stub coupling G1/2 P-GEV 20SR Chi tiết số 16, TB2-FLS-00EAA01-05-M-M2-DTE-468, tham chiếu 2440348rev0	FLSMIDTH	Cái	20	Báo giá
34	48248009	Đầu nối ống	Đầu nối TB.FITT. ST G10-L CF, part no 223-12531-2, nhà sản xuất Lincoln chi tiết số 51, part no:223-12531-2, tài liệu Part C4_17-SKF Lincoln Lubrication system, trang 46	Lincoln	Bộ	50	Báo giá
35	48248010	Đầu nối ống	TB.FITT. ST GE10-L G 1/8A CF, chi tiết số 29, part no:223-13621-9, tài liệu Part C4_17-SKF Lincoln Lubrication system	Lincoln	Bộ	200	Báo giá
36	48528006	DISC BRAKE	DISC BRAKE TYP- SB23, Ø450x30, BL 80-6 BUBENZER	BUBENZER	Bộ	1	Báo giá
38	48820006	GANTREX RAIL PAD PAD	MK6-RB-200, t=7mm	FLSMIDTH	Mét	352	Báo giá
45	51339021	Bộ chia mỡ bôi trơn cho cặp bánh răng Pinon và bánh răng thùng nghiền máy than	Hydraulic Direction Changing Valve DR4-5	Jianhe - China	Cái	2	Báo giá



47	51712128	Shaft coupling	Shaft coupling GS 38 ZR 3 (tubular shaft Ø 70 mm), Tài liệu Part C3 04-CMCO Tensioning device Trang 4, Tài liệu Part C3 04-CMCO Tensioning device	FLSMIDTH	Cái	1	Báo giá
48	51725017	COUPLING	COUPLING-TK SIZE-1000, Ø210H7 (treenail 2X120°) TSCHAN Chi tiết số 27; Bản vẽ TB2-FLS-00EAA01-05-M-M2-DTE-121, tham chiếu 2440001rev2_2_PL	TSCHAN	Bộ	1	Báo giá
49	51725018	FLEXIBLE COUPLING	FLEXIBLE COUPLING TYP- K200, Ø450x30 BUBENZER chi tiết số 3, bản vẽ TB2-FLS-00EAA01-05-M-M2-DTE-120, tham chiếu 2440000 PL	BUBENZER	Bộ	4	Báo giá
51	51764003	Bơm dầu bôi trơn làm mát gối thùng nghiền (bơm LP)	SETTIMA ZNYB 01020202	SETTIMA	Cái	4	Báo giá
52	51769008	Bơm Hydrazin 7120 - S-AE	PUMP; CHEMICAL METERING TYPE: 7120 -S-AE (DIAPHRAGM: PTFE) FLOW RATE: 51.8 L/h BACK PRESSURE RATING: 50 bar APPLICATION: Ammonia Metering Pump ADDITIONAL INFORMATION: 57 bar TB2-SDC.VP115-00GNN-M-M17-DAS-0011 (page 3-10) Drawing No: -30115-000 (Page 6) - W208390 (page 7) - W213044 (page8) - W209123 (page10)	PULSAFEEDER	Cái	1	Báo giá



53	51770007	Màng bơm	PTFE/EPDM 210mm. No. 6 TB2-SDC.VP117-00GBK-M-M3-DAS-0017 (Page6-15) -DWR No: 2DWC71L-S-004 (Page 9)	Dongil M.T Co., Ltd/KOREA	Piece	12	Báo giá
54	51770009	Màng bơm	PTFE/EPDM 160 mm TB2-SDC.VP117-00GBK-M-M3-DAS-0017 (Page 26-34) -DWR No: WB41-S-004 (page29)	Dongil M.T Co., Ltd/KOREA	Piece	4	Báo giá
55	51770010	Màng bơm	PTFE/EPDM 180 mm TB2-SDC.VP117-00GBK-M-M3-DAS-0017 (Page45-54) - D.R.W No: WB61-S-003 (page48)	Dongil M.T Co., Ltd/KOREA	Piece	4	Báo giá
56	51770011	Màng bơm	PUMP; DIAPHRAGM APPLICATION: Mang van bơm hoá chất ADDITIONAL INFORMATION: P/N: 9176024, pos 26 TB2-SDC.VP118-00GNK-M-M3-DAS-0017 (Page4-9) - Sectional Drawing Y08N04FS0NA (page8) Code/Pos: 9176024, pos 26	SEKO	Piece	6	Báo giá



57	51770012	Màng bơm	PUMP; DIAPHRAGM TYPE: Màn van bơm hoá chất HCL DISCHARGE PRESSURE: 3 bar SUCTION PRESSURE: 0.1 bar MATERIAL: PTFE DIAPHRAGM MATERIAL: PTFE APPLICATION: Màn van bơm hoá chất (hãng seko) ADDITIONAL INFORMATION: P/N: 9176024, pos 26 Bơm HCL	SEKO	Piece	6	Báo giá
58	39568006	Màng bơm	PUMP; DIAPHRAGM TYPE: Bơm hoá chất PAC MATERIAL: PTFE DIAPHRAGM MATERIAL: PTFE APPLICATION: Màn van bơm hoá chất (hãng seko) ADDITIONAL INFORMATION: P/N: 9176025, pos 26 Bơm PAC	SEKO	Piece	4	Báo giá



59	39568009	Màng bơm	PUMP; DIAPHRAGM TYPE: Bơm hoá chất Polymer MATERIAL: PTFE DIAPHRAGM MATERIAL: PTFE APPLICATION: Mànng van bơm hoá chất (hãng seko) ADDITIONAL INFORMATION: P/N: 9176080, pos 26 Bơm polymer TB2-SDC.VP118-00GNK-M-M3-DAS-0017 (Page28-33) - Sectional Drawing Y40N14FS0NA (page32) Code/Pos: 9176080, pos 2	SEKO	Piece	4	Báo giá
60	51770043	Diaphragm	PTFE, FLAT type TB2-SDC.VP115-00GNN-M-M17-DAS-0011 (page3-15) drw: W209123 Pos 2 (page9)	PULSAFEEDER	Piece	2	Báo giá
61	51770044	Diaphragm	PUMP; DIAPHRAGM TYPE: PTFE/3.25 DISH MATERIAL: PTFE DIAPHRAGM MATERIAL: PTFE/3.25 DISH P APPLICATION: Hydrazine Metering Pump ADDITIONAL INFORMATION: Pos 2(drw: W209123) TB2-SDC.VP115-00GNN-M-M17-DAS-0011 (page16-28) drw: W209123 Pos 2 (page22)	PULSAFEEDER	Piece	2	Báo giá



62	51770045	Diaphragm	PUMP; DIAPHRAGM TYPE: PLAT; PTFE/3.25 DISH DISCHARGE PRESSURE: 220 bar MATERIAL: PTFE DIAPHRAGM MATERIAL: PTFE/3.25 DISH P APPLICATION: Phosphate Metering Pump ADDITIONAL INFORMATION: Pos 2(drw: W210512) TB2-SDC.VP115-00GNN-M-M17-DAS-0011 (page29-39) drw: W210512 Pos 2 (page22) page 35	PULSAFEEDER	Piece	4	Báo giá
63	51774026	Hydraulic oil pump(bơm+ động cơ)	ko có	Hydac	Bộ	1	Báo giá
64	51774027	Hydraulic oil pump(bơm+ động cơ)	PGI102-2-011-RK03-11-6100 Bơm bánh răng 10,9 ccr/rew Áp suất max 330 bar TB2-SDC.VP101-00LBB-M-M1A-DSE-9107 (trang 4 item No 0110)	Hydac	Bộ	1	Báo giá



65	51790011	Bơm phun sương: Hightpressure-Pump Model: 7CP6170	Hightpressure-Pump Model: 7CP6170	CAT	Cái	1	Báo giá
66	51790012	Magnetic Pump	Magnetic Pump PMA-2, theo tài liệu Part C3_07-SKF Lincoln Lubrication system, trang 132	SKF Lincol	Cái	2	Báo giá
67	51836053	Quạt làm mát băng tải làm sạch thuyền xi	Type GR200A/EV	China	Cái	1	Báo giá
70	53284026	Head inlet side liner	TB2-SDC.VP101-01HFC-M-M1A-DID-0013 (Chỉ tiết số 1)	ShangHai Heavy Machinery plant Co.,Ltd	Cái	32	Báo giá



71	53284037	Head inlet side liner with boss	TB2-SDC.VP101-01HFC-M-M1A-DID-0013 (Chi tiết số 2)	ShangHai Heavy Machinery plant Co.,Ltd	Cái	10	Báo giá
72	53284039	Long conical head liner	TB2-SDC.VP101-01HFC-M-M1A-DID-0013 (Chi tiết số 3)	ShangHai Heavy Machinery plant Co.,Ltd	Cái	32	Báo giá
73	53284041	Short conical head liner	TB2-SDC.VP101-01HFC-M-M1A-DID-0013 (Chi tiết số 4)	ShangHai Heavy Machinery plant Co.,Ltd	Cái	32	Báo giá
74	53284042	Tybe 1 of shell liner with oblic wave	Chi tiết số 16 bản vẽ TB2-SDC.VP101-01HFC-M-M1A-DID-0013	ShangHai Heavy Machinery plant Co.,Ltd	Cái	18	Báo giá
75	53284043	Tybe 2 of shell liner with oblic wave	Chi tiết số 17 bản vẽ TB2-SDC.VP101-01HFC-M-M1A-DID-0013 Rev_0	ShangHai Heavy Machinery plant Co.,Ltd	Cái	18	Báo giá
76	53284045	Tybe 3 of shell liner with oblic wave	Chi tiết số 11 bản vẽ TB2-SDC.VP101-01HFC-M-M1A-DID-0013 Rev_0	ShangHai Heavy Machinery plant Co.,Ltd	Cái	18	Báo giá
77	53284046	Tybe 4 of shell liner with oblic wave	Chi tiết số 12 bản vẽ TB2-SDC.VP101-01HFC-M-M1A-DID-0013 Rev_0	ShangHai Heavy Machinery plant Co.,Ltd	Cái	18	Báo giá
78	53284047	Tybe 1 of shell liner with oblic wave	Chi tiết số 13 bản vẽ TB2-SDC.VP101-01HFC-M-M1A-DID-0013 Rev_0	ShangHai Heavy Machinery plant Co.,Ltd	Cái	118	Báo giá
79	53284048	Tybe 2 of shell liner with oblic wave	Chi tiết số 14 bản vẽ TB2-SDC.VP101-01HFC-M-M1A-DID-0013 Rev_0	ShangHai Heavy Machinery plant Co.,Ltd	Cái	118	Báo giá
80	53284049	Tybe 1 of liner bolt M27x280	Chi tiết số 5, 6, 7, 8 bản vẽ TB2-SDC.VP101-01HFC-M-M1A-DID-0013 Rev_1	ShangHai Heavy Machinery plant Co.,Ltd	Bộ	134	Báo giá



81	53284050	Type 2 of liner bolt M27x195	Chi tiết số 9, 6, 7, 8 bản vẽ TB2-SDC.VP101-01HFC-M-M1A-DID-0013 Rev_0	ShangHai Heavy Machinery plant Co.,Ltd	Bộ	224	Báo giá
92	43500154	Bu lông	M56 P. no 23 TB2-SDC.VP101-01HFC-M-M1A-DID-0003 (Cụm chi tiết No. 23)	ShangHai Heavy Machinery plant Co.,Ltd	Bộ	16	Báo giá
93	50374079	Bearing 31316; Single row tapered roller bearing; SKF	SKF 31316 31316/QCL7A	SKF	Cái	2	Báo giá
94	45700256	Bulong liên kết M20x150 cường độ 8.8 (mạ kẽm)	Bulong liên kết M20x150 cường độ 8.8 (mạ kẽm)	Việt Nam	Cái	150	Báo giá
95	51764004	Bơm dầu bôi trơn làm mát gối thùng nghiền (bơm HP)	SETTINA ZNYB 01020502	SETTIMA	Cái	4	Báo giá
96	50400055	Vòng bi rulo chủ động băng tải than	Vòng bi rulo chủ động băng tải than CNA 209	SKF	Cái	12	Báo giá
98	53284062	HGT máy khuấy bể trung hòa	Model: JGVF-105 Rpm: 150Rpm Ratio:1:10 TB2-SDC.VP118-00GNK-M-M3-DAS-0018 (Page18-23) DWG No: Agitor-00 ASS'Y No: JGVF-105 (Page19)	JEIL MACHINERY CORP/KOREA	Cái	2	Báo giá
99	58690041	HGT máy khuấy bể thải xi	CYCLOIDAL REDUCER TYPE: XLD8-11-Y18.5-ZP-DBW TB2-SDC.VP101-00100-M-M12-DSU-0073 TB2-SDC.VP101-00100-M-M12-DAS-0002 (Page 16 rev0)	Alstom Sizhou	Bộ	1	Báo giá
100	49021086	ỐNG PVC DN21 PN 10	ỐNG PVC DN21 PN 10 01 ống = 4 m	Việt Nam	ống	5	Báo giá
101	49021087	ỐNG PVC DN27 PN 10	ỐNG PVC DN27 PN 10 01 ống = 4 m	Việt Nam	ống	5	Báo giá
102	49021088	ỐNG PVC DN 34 PN 10	ỐNG PVC DN 34 PN 10 01 ống = 4 m	Việt Nam	ống	5	Báo giá
103	49021089	ỐNG PVC DN 42 PN 10	ỐNG PVC DN 42 PN 10 01 ống = 4 m	Việt Nam	ống	5	Báo giá
104	49021100	ỐNG PVC DN 48 PN 10	ỐNG PVC DN 48 PN 10 01 ống = 4 m	Việt Nam	ống	5	Báo giá



105	48521088	Vành chèn cơ khí	Vành chèn cơ khí Kích thước: 2 inch Vật liệu: SSIC-SSIC-FKM" TB2-SDC.VP101-00HTL-M-M10-SPC-7001 (page5-8/8)	XiangYang Wu Er Wu Pump Industry Co.,Ltd	Cái	3	Báo giá
114	44300069	Bu lông 8.8 mạ kẽm M12x60 + ê cu + long đen phẳng	8.8 mạ kẽm M12x60 + ê cu + long đen phẳng	Việt Nam	Bộ	650	Báo giá
115	48130001	Ống lồng trong xả tro bay(Fly ash discharge expansion sleeve)	D470 x 2200L - Vật liệu: Vải silicone chịu nhiệt 260 độ C, độ dày 1mm. - Bước vòng thép sợi Ø6: 110-120mm (17 vòng/ống). - Nhiệt độ làm việc: ≤200 độ C.	Việt Nam	Cái	8	Báo giá
116	48151216	Khớp nối mềm cao su	DN 3 in - 80mm kết nối mặt bích tiêu chuẩn Din Pn16, vật liệu inox	Alascoco	Bộ	8	Báo giá

